

KẾ HOẠCH

Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (Đề án 100); Quyết định 518/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 100 giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Nâng cao nhận thức của xã hội, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, cá nhân (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) trên địa bàn tỉnh về truy xuất nguồn gốc thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, đào tạo cho các bên liên quan.

b) Hỗ trợ, khuyến khích tổ chức, cá nhân chủ động áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, hàng hóa trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm nâng cao vị thế các tổ chức, cá nhân của tỉnh trên thị trường trong nước và quốc tế.

c) Bảo đảm công khai, minh bạch các thông tin truy xuất nguồn gốc của sản phẩm, hàng hóa trên thị trường, cung cấp thông tin, kiến thức thiết yếu về truy xuất nguồn gốc.

d) Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động truy xuất nguồn gốc để phục vụ hội nhập quốc tế và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, bảo đảm chất lượng, tính an toàn của sản phẩm, hàng hóa; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và sức khỏe người tiêu dùng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn từ năm 2020-2025

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về lợi ích và tầm quan trọng của truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa;

- Nghiên cứu xây dựng, áp dụng và phát triển hạ tầng kỹ thuật cần thiết cho Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh, kết nối với Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

- Triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm, nhóm sản phẩm, hàng hóa theo yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực và theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh;

- Triển khai áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan và tài liệu hướng dẫn áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc;

- Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc;

- Phát triển ít nhất 30% tổ chức, cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sử dụng mã số mã vạch trên địa bàn tỉnh áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đảm bảo khả năng tương tác, trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc của tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế;

b) Định hướng giai đoạn năm 2026-2030

- Tăng cường hỗ trợ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc;

- Phát triển ít nhất 70% tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sử dụng mã số mã vạch trên địa bàn tỉnh áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đảm bảo khả năng tương tác, trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc của tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế;

- Hoàn thiện việc xây dựng, áp dụng và quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu sản phẩm, hàng hóa được sản xuất trong tỉnh vào Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh, kết nối với Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến, đào tạo và tập huấn về các hoạt động truy xuất nguồn gốc

- Tổ chức tuyên truyền, quảng bá về lợi ích và tầm quan trọng của truy xuất nguồn gốc, các nội dung của Đề án 100, các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch thông qua các hội nghị, hội thảo, cổng/trang thông tin điện tử, Báo Tây Ninh, Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh và các phương tiện truyền thông khác trên địa bàn tỉnh;

- Triển khai áp dụng và phổ biến các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, văn bản quản lý nhà nước về mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc; tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm áp dụng các giải pháp, công nghệ truy xuất nguồn gốc;

- Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về hoạt động truy xuất nguồn gốc cho các cơ quan quản lý; các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

2. Nghiên cứu và xây dựng hạ tầng kỹ thuật cần thiết cho Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc của tỉnh

- Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật cần thiết cho Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh;
- Nghiên cứu triển khai ứng dụng các công nghệ mới phù hợp, tối ưu để nâng cao hiệu quả hoạt động truy xuất nguồn gốc;
- Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện tư vấn, chuyển giao giải pháp truy xuất nguồn gốc đủ điều kiện kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

3. Triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh

- Khảo sát nhu cầu truy xuất nguồn gốc của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh;
- Xây dựng danh mục sản phẩm, nhóm sản phẩm trọng điểm ưu tiên triển khai truy xuất nguồn gốc; nhóm sản phẩm bắt buộc triển khai truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh;
- Lựa chọn giải pháp công nghệ, triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm, nhóm sản phẩm, hàng hóa theo yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực và theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh;
- Vận động, hướng dẫn và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sử dụng mã số, mã vạch trên địa bàn tỉnh triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc.

4. Tăng cường xã hội hóa và tận dụng các nguồn lực trong việc triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc

- Xây dựng chính sách phù hợp nhằm khuyến khích, thu hút tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh tham gia đầu tư xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa từ nguồn kinh phí của tổ chức, cá nhân cùng với sự hỗ trợ của nhà nước;
- Huy động nguồn lực từ các chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Bộ, ngành, cơ quan liên quan để hỗ trợ tổ chức, cá nhân xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện được đảm bảo từ các nguồn: Ngân sách nhà nước, vốn tài trợ trong nước, vốn tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, các cơ quan, đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch lập dự toán kinh phí thực hiện,

tổng hợp chung vào dự toán ngân sách nhà nước của đơn vị gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

3. Việc quản lý và sử dụng kinh phí triển khai Kế hoạch thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có liên quan và tài liệu hướng dẫn, áp dụng về hệ thống truy xuất nguồn gốc.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành triển khai Kế hoạch bao gồm các nội dung sau:

- Khảo sát nhu cầu truy xuất nguồn gốc của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh;

- Xây dựng danh mục sản phẩm, nhóm sản phẩm trọng điểm ưu tiên triển khai truy xuất nguồn gốc; nhóm sản phẩm bắt buộc triển khai truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh;

- Lựa chọn giải pháp công nghệ, triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm, nhóm sản phẩm, hàng hóa theo yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực và theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh;

- Xây dựng, vận hành và quản lý Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh;

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc và kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh, quốc gia để nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo các chính sách hỗ trợ trong khuôn khổ Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam”;

- Triển khai ứng dụng các công nghệ mới phù hợp, tối ưu để nâng cao hiệu quả hoạt động truy xuất nguồn gốc.

c) Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện tư vấn, chuyển giao và áp dụng các hệ thống truy xuất nguồn gốc đủ điều kiện kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

d) Quản lý, giám sát và xử lý vi phạm trong hoạt động về truy xuất nguồn gốc theo thẩm quyền. Tổ chức sơ kết và tổng kết tình hình thực hiện Đề án 100 tại địa phương.

đ) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ kết quả triển khai thực hiện Đề án 100.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo các cơ quan báo chí truyền thông tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về các nội dung của Đề án

100; các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; lợi ích và tầm quan trọng của việc truy xuất nguồn gốc, thông tin sản phẩm, hàng hóa bằng nhiều hình thức thiết thực, hiệu quả.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành:

- Tham mưu giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu của tỉnh nhằm quản lý, kết nối Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh vào hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh và Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia;

- Xem xét đánh giá và đề xuất giải pháp nhằm triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch.

4. Các Sở quản lý chuyên ngành

Các Sở quản lý chuyên ngành theo phân công trách nhiệm quản lý sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh (tại Quyết định 518/QĐ-UBND) trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động truy xuất nguồn gốc có trách nhiệm:

a) Thông tin, tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Đề án 100; các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch và các hoạt động truy xuất nguồn gốc đến các tổ chức, cá nhân thuộc ngành quản lý.

b) Triển khai và hướng dẫn quy định pháp luật, văn bản và quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

c) Đề xuất danh mục sản phẩm, nhóm sản phẩm trọng điểm ưu tiên, bắt buộc triển khai truy xuất nguồn gốc theo lĩnh vực quản lý trên cơ sở hướng dẫn, danh mục của các Bộ, ngành liên quan đảm bảo phù hợp với đặc thù của tỉnh.

d) Tổ chức triển khai áp dụng truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu của Kế hoạch.

đ) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan:

- Quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu các sản phẩm, hàng hóa đã áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc thuộc thẩm quyền quản lý, thực hiện kết nối tới Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh, quốc gia;

- Quản lý, giám sát và xử lý vi phạm trong hoạt động truy xuất nguồn gốc đối với những sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Vận động, giới thiệu, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc tại địa phương.

b) Phối hợp các sở, ban, ngành:

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Đề án 100; các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; lợi ích và tầm quan trọng của việc truy xuất nguồn gốc, thông tin sản phẩm, hàng hóa tại địa phương;

- Đề xuất, lựa chọn danh mục sản phẩm, nhóm sản phẩm trọng điểm ưu tiên và bắt buộc triển khai truy xuất nguồn gốc;

- Giám sát việc áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc tại địa phương.

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm theo Mục IV của Kế hoạch này xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được giao. Định kỳ trước ngày 30 tháng 5 và 30 tháng 11 hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như tổ chức thực hiện;
- PCVP Nhung,;
- Phòng VHXXH;
- Lưu VT, VP tỉnh.

Xoa

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Ngọc